TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 126/2022/HS-ST Ngày 24- 08 -2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Luyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Hải

Ông Nguyễn Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 24/8/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 119/2022/HSST ngày 08 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2022/HSST-QĐ ngày 13/8/2022 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Đức C; sinh năm 1992; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Số 39, ngách 19, ngõ 217, đường TP, phường VQ, quận HĐ, TP H N

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông: Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Vân A và có 02 con; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày 30/9/2021 đến ngày 08/10/2021, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

2. Dơng Thị D, sinh năm 1990; giới tính: Nữ; tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên (Đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Dơng Văn T và bà Dơng Thị M; có chồng là Nguyễn Mạnh C và 03 con; Tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Người làm chứng:

1. Chị Ngô Thị Hồng, sinh năm 1995 (Vắng mặt)
2. Anh Vũ Văn Cường, sinh năm 1980 (Vắng mặt)
3. Chị Thân Thị Hảo, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
5. Bà Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) dịch vụ thương mại vận tải BS (Công ty BS) có địa chỉ tại số 125, đường Lý Thường Kiệt, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 07/10/2015, Giám đốc là ông Trần Thanh Sơn, sinh năm 1970. Ngày 11/7/2017, ông Sơn chuyển nhượng Công ty BS cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, trú tại khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Nguyễn Văn T đứng tên làm Giám đốc Công ty BS từ ngày 11/7/2017 đến nay. Xác minh tại các cơ quan quản lý thuế, ngân hàng và chính quyền địa phương thấy công ty không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, người đại diện theo pháp luật của công ty không đến cơ quan quản lý thuế làm việc theo yêu cầu, tài khoản ngân hàng của công ty phát sinh nhiều giao dịch chuyển, nhận tiền với nhiều doanh nghiệp tại Bắc Giang, Hải Phòng, Hà Nội... Xác minh 14 công ty (10 công ty có địa chỉ tại TP Hà Nội, 04 công ty có địa chỉ tại TP Hải Phòng) có phát sinh giao dịch đầu vào trong tài khoản ngân hàng của Công ty BSxác định được 14 công ty đều không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, không xác định được người đại diện theo pháp luật đang làm gì, ở đâu. Căn cứ kết quả điều tra xác minh, Cơ quan điều tra đã triệu tập lấy lời khai Dong Thị D, sinh năm 1990, trú tại tổ dân phố Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên là kế toán của Công ty TNHH Tae Kyung Tech Vina (Công ty Tae Kyung Tech Vina), địa chỉ tại lô D1-D2, khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên. D khai nhận đã có hành vi mua trái phép hóa đơn với Nguyễn Đức C, sinh năm 1992, trú tại A34-TT18, khu đô thị Văn Quán, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội. Ngày 30/9/2021, C đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận hành vi mua bán trái phép hóa đơn.

Căn cứ kết quả điều tra, xác định được hành vi phạm tội của Nguyễn Đức C, Dong Thị D như sau: Năm 2018, Nguyễn Đức C làm Phó giám đốc Công ty TNHH thương mại dịch vụ Hải Quân (Công ty Hải Quân) có địa chỉ tại khu phố Trần, phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh. Khoảng tháng 4 năm 2018, C được bạn là Nguyễn Trọng T, sinh năm 1992, trú tại thôn Chè, xã Liên Bão, huyện Tiên Du cho biết là Thành lấy được hóa đơn giá trị gia tăng (hoá đơn) đầu vào của Công ty BSvà Công ty TNHH sản xuất đầu tư thương mại Hoàng Gia Việt Nam (Công ty Hoàng Gia) có địa chỉ tại kiốt 90-3E, Chợ trung tâm giao thương Quốc tế, thị trấn Lim, huyện Tiên Du với giá mua hóa đơn là 4,5% (là phần trăm tính trên tổng số

tiền hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên hóa đơn), đảm bảo hóa đơn kê khai quyết toán thuế được. Thành bảo C xem có doanh nghiệp nào cần mua hóa đơn đầu vào thì liên lạc với Thành, C đồng ý. Thời gian này, D được giám đốc Công ty Tae Kyung Tech Vina giao nhiệm vụ thuê xe ôtô tải vận chuyển hàng hóa và mua văn phòng phẩm. D thuê xe ôtô tải vận chuyển hàng hoá của người đàn ông tên là Vịnh ở thị trấn Bích Động (không rõ họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể), mua văn phòng phẩm của một số cửa hàng ở khu vực thị trấn Bích Động nhưng đều không có hóa đơn. Ngoài ra, D còn thuê xe ôtô của công ty Hải Quân nơi C đang làm việc nên từ đó D và C quen biết nhau. C nói với D là nếu cần mua hóa đơn đầu vào thì C có nguồn hóa đơn để bán với giá 7,5% đối với hàng hóa thông thường, 8% đối với hóa đơn cước vận chuyển. D nói với C khi nào cần hóa đơn thì sẽ liên lạc. Khoảng 01 tháng sau, D điện thoại cho C hỏi mua hóa đơn. C bảo D cung cấp thông tin để viết hóa đơn gồm tên công ty, mã số thuế, địa chỉ, tên dịch vụ hàng hóa, đơn giá, thành tiền, tổng số tiền cần ghi trên hóa đơn...D cung cấp các thông tin nêu trên và gửi vào Zalo cho C. C chuyển các thông tin D gửi qua Zalo cho Thành. Sau đó, Thành lấy hóa đơn của Công ty BS đưa cho C, C đưa trực tiếp hoặc gửi hóa đơn qua đường bưu điện (chuyển phát nhanh) cho D. Sau khi nhận được hóa đơn, D làm thủ tục chuyển số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn từ tài khoản của Công ty Tae Kyung Tech Vina vào tài khoản của Công ty BSrồi thông báo cho C, C thông báo cho Thành biết. Sau đó, Thành đưa cho C hoặc C trực tiếp sử dụng giấy giới thiệu, giấy rút tiền của Công ty BSđể rút tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty BS ra, trừ đi 7,5% hoặc 8% tiền bán hóa đơn, số tiền còn lại C làm thủ tục nộp tiền mặt vào tài khoản cá nhân của D mở tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám. C khai trả cho Thành 4,5% tiền mua hóa đơn của Công ty Bảo Sơn, số tiền còn lại C và Thành chia nhau. D rút tiền mặt từ tài khoản cá nhân của D ra, trừ đi 2% hoặc 2,5%, số tiền còn lại D nộp lại cho bộ phận kế toán của Công ty Tae Kyung Tech Vina. C khai, đầu năm 2019, C chuyển 100 triệu đồng vào tài khoản cá nhân của Thành để nhờ Thành giới thiệu cho C trực tiếp mua hóa đơn của Công ty BSvà Công ty Hoàng Gia. Sau đó C đã gặp Nguyễn Văn Công, sinh năm 1977 ở khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh là Giám đốc Công ty Hoàng Gia để đặt vấn đề mua hóa đơn, Công đồng ý bán hóa đơn cho C với giá 4,5%. Từ năm 2019, C mua hóa đơn từ Công, số tiền % chênh lệch giữa mua và bán hóa đơn C không phải chia cho Thành nữa.

Khoảng đầu năm 2019, chồng D là anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1984 lái xe ôtô tải biển kiểm soát 98C-187.21 cho D biết Công ty TNHH Smart Tech Vina (Công ty Smart Tech Vina) trụ sở tại lô D14-D15, khu công nghiệp Đình Trám, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên cần thuê xe ôtô tải để vận chuyển hàng hóa nhưng yêu cầu phải xuất được hóa đơn vận chuyển. D nói với anh C là sẽ có hóa đơn cước vận chuyển xuất trả khi thanh toán. Sau đó, D cung cấp thông tin và nhờ C làm hợp đồng vận chuyển có ký kết, đóng dấu giữa Công ty BSvà Công ty Smart Tech Vina. Sau khi làm xong hợp đồng, C mang đến đưa cho D, D đưa hợp đồng cho anh C mang đến Công ty Smart Tech Vina. Sau khi có được hợp đồng, từ tháng 01/2019 đến tháng 7/2019, anh C được Công ty Smart Tech Vina thuê vận chuyển hàng hóa. Quá trình vận chuyển hàng hóa, anh C ghi chép chi tiết vào bảng quản lý hành trình xe của

Công ty Smart Tech Vina. Đến cuối hằng tháng, anh C tổng hợp số liệu các chuyến đã vận tải, cung đường đi, số km đã đi rồi cung cấp cho D. D gửi qua Zalo các số liệu do anh C cung cấp cho C để C viết vào hóa đơn và bán hóa đơn cho D với giá 8%. D đưa hóa đơn mua được của C cho anh C, anh C mang hóa đơn đến bộ phận kế toán của Công ty Smart Tech Vina để làm thủ tục thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty Bảo Sơn. Sau đó, C rút tiền từ tài khoản ngân hàng của Công ty BS ra, trừ đi 8% tiền mua hóa đơn, số tiền còn lại C làm thủ tục nộp tiền mặt vào tài khoản cá nhân của D mở tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh khu công nghiệp Đình Trám.

Từ ngày 26/4/2018 đến ngày 30/9/2019, Nguyễn Đức C đã mua trái phép 27 hóa đơn của Công ty BSvới tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.111.384.000 đồng với giá 4,5% rồi bán trái phép cho Dong Thị D với giá 7,5% hoặc 8%; D đã đưa 27 hóa đơn mua được của C vào thanh toán với các Công ty với giá 10%, cụ thể: 20 hóa đơn (04 hóa đơn mua hàng hóa, 16 hóa đơn cước vận chuyển) xuất cho Công ty Tae Kyung Tech Vina với tổng giá trị tiền hàng hóa trước thuế là 553.123.000 đồng, gồm: Số 133 ngày 26/04/2018, số 143 ngày 28/04/2018, số 312 ngày 31/05/2018, số 457 ngày 28/06/2018, số 477 ngày 30/06/2018, số 552 ngày 25/07/2018, số 600 ngày 31/07/2018, số 743 ngày 30/08/2018, số 892 ngày 30/09/2018, số 1069 ngày 31/10/2018, số 1256 ngày 30/11/2018, số 1285 ngày 03/12/2018, số 1439 ngày 31/12/2018, số 646 ngày 31/01/2019, số 1753 ngày 28/02/2019, số 1918 ngày 29/03/2019, số 2112 ngày 28/04/2019, số 2334 ngày 30/05/2019, số 2585 ngày 30/06/2019, số 2874 ngày 31/07/2019. 07 hóa đơn (cước vận chuyển) xuất cho Công ty Smart Tech Vina với tổng giá trị tiền hàng hóa trước thuế là 558.261.000 đồng, gồm: Số 1623 ngày 29/01/2019, số 1752 ngày 28/02/2019, số 1929 ngày 30/03/2019, số 2326 ngày 30/05/2019, số 2592 ngày 30/06/2019, số 2876 ngày 31/07/2019, số 2150 ngày 30/09/2019. Sau khi không làm Phó giám đốc cho Công ty Hải Quân, C làm thủ tục thành lập và làm Giám đốc Công ty TNHH Gmart Vina (Công ty Gmart Vina) có địa chỉ tại khu phố Trần, phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh. Từ ngày 17/7/2018 đến ngày 19/01/2019, C đã mua trái phép 04 hóa đơn có tổng số tiền hàng hóa trước thuế là 342.174.500 đồng với giá 4,5% rồi xuất bán cho khách hàng của Công ty Gmart Vina với giá 5,5%, gồm: 02 hóa đơn có tổng số tiền hàng hóa trước thuế là 198.000.000 đồng của Công ty BS(số 237 ngày 17/7/2018 và số 1119 ngày 19/01/2019), 02 hóa đơn của Công ty Hoàng Gia có tổng tiền hàng hóa trước thuế là 144.174.500 đồng (số 901 ngày 17/7/2018 và số 2254 ngày 19/01/2019).

Căn cứ vào số lượng hóa đơn, số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn, loại hàng hóa hoặc cước vận chuyển ghi trên hóa đơn, chênh lệch % giữa mua và bán hóa đơn, xác định được số tiền thu lợi bất chính từ việc mua, bán hóa đơn của Nguyễn Đức C, Dong Thị D cụ thể như sau:

Đối với Nguyễn Đức C: 04 hóa đơn mua hàng hóa của Công ty Tae Kyung Tech Vina có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 73.123.000 đồng x 3% = 2.193.000 đồng. 23 hóa đơn cước vận chuyển của Công ty Tae Kyung Tech Vina và Công ty Smart Tech Vina có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 1.038.261.000 x 3,5% = 36.339.000 đồng. 04 hóa đơn xuất cho Công ty Gmart Vina có tổng giá trị

hàng hóa trước thuế là 324.174.500 đồng x 1% = 3.241.000 đồng. Tổng số tiền C thu lợi bất chính là 41.773.000 đồng, C chưa nộp lại số tiền này.

Đối với Dơng Thị D: 04 hóa đơn mua hàng hóa của Công ty Tae Kyung Tech Vina có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 73.123.000 đồng x 2,5% = 1.828.000 đồng. 16 hóa đơn cước vận chuyển của Công ty Tae Kyung Tech Vina có tổng giá trị hàng hóa trước thuế là 480.000.000 đồng x 2% = 9.600.000 đồng. 07 hóa đơn cước vận chuyển của Công ty Smart Tech Vina có tổng giá trị hàng hóa sau thuế là 558.261.000 đồng x 2% = 11.165.000 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính là 22.593.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 22/CT-VKS ngày 07/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Nguyễn Đức C và Dương Thị D về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố trình bầy luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65, Bộ luật hình sự

Xử phạt: Nguyễn Đức C từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho UBND phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng: khoản 1 Điều 203; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 Điều 65, Bộ luật hình sự

Xử phạt Dơng Thị D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; giao bị cáo cho UBND thị trấn Bích Động huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị về vật chứng, án phí.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bắc Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức C và Dơng Thị D đã hoàn toàn khai nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 26/4/2018 đến ngày 30/9/2019, Nguyễn Đức C, đã có hành vi mua của Công ty BStổng số 27 hóa đơn giá trị gia tăng với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.111.384.000 đồng với giá 4,5% rồi bán trái phép cho Dơng Thị D với giá 7,5% hoặc 8%. Dơng Thị D đã đưa 27 hóa đơn mua được của C vào thanh toán với các Công ty với giá 10%. Ngoài ra, từ ngày 17/7/2018 đến ngày 19/01/2019, Nguyễn Đức C đã mua trái phép 02 hóa đơn có tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 198.000.000 đồng của Công ty BSvà 02 hóa đơn của Công ty Hoàng Gia có tổng tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 144.174.500 đồng với giá 4,5% rồi xuất bán cho khách hàng của Công ty Gmart Vina do C làm Giám đốc với giá 5,5%. C đã mua bán trái phép tổng số 31 hóa đơn với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.453.558.500 đồng. D đã mua trái phép tổng số 27 hóa đơn từ C với tổng số tiền trước thuế ghi trên hóa đơn là 1.111.384.000 đồng. Tổng số tiền C thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn là 41.773.000 đồng. Tổng số tiền D thu lợi bất chính từ việc mua hóa đơn là 22.593.000 đồng.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đủ độ tuổi và năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*", như vậy bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo C về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" theo điểm d khoản 2 Điều 203 và Dơng Thị D về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" theo khoản 1 Điều 203, Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về mặt chủ quan của tội phạm: Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đức C, Dơng Thị D đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*" quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Đức C đã đầu thú, nộp tiền thu lời bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Dơng Thị D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm i Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội Dới hình thức đồng phạm giản đơn không có sự phân công phối hợp giữa các bị cáo.

[6] Từ các tình tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn, gây mất trật tự trị an xã hội;

Tuy nhiên các bị cáo có nhân thân tốt lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, nên khi lượng hình xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo mua bán hóa đơn mục đích thu lời bất chính do vậy cần áp dụng khoản 3 Điều 203 phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo..

[8] Về số tiền thu lời bất chính: Bị cáo Nguyễn Đức C thu lời bất chính số tiền 41.773.000 đồng, C đã nộp lại số tiền này. Tổng số tiền D thu lợi bất chính từ việc mua hóa đơn là 22.593.000 đồng, D đã nộp lại số tiền này do vậy cần tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền này.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức C và Dơng Thị D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Cơ quan điều tra đã xác minh, lấy lời khai đối với người đại diện theo pháp luật (hoặc theo ủy quyền) của 54 công ty có phát sinh giao dịch thanh toán qua ngân hàng với Công ty Bảo Sơn. Người đại diện theo pháp luật (hoặc theo ủy quyền) của 54 công ty và những người liên quan đều khai có mua bán, phát sinh dịch vụ hàng hóa thật nhưng qua người trung gian (không rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại) giới thiệu hoặc đến công ty chào bán hàng hóa, dịch vụ sau đó cung cấp hàng hóa, dịch vụ rồi xuất trả hóa đơn của Công ty Bảo Sơn. Các công ty đều tra mã số thuế của Công ty BSvà thấy công ty vẫn ở trạng thái đang hoạt động nên đã đưa hóa đơn vào hạch toán, kê khai thuế. Do vậy, không có căn cứ xác định người đại diện theo pháp luật của 54 công ty và những người liên quan có hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Công ty Bảo Sơn. Đối với Nguyễn Văn T-Giám đốc Công ty Bảo Sơn: C, Thuận đều khai không quen biết và không mua bán hóa đơn với nhau. Ngày 04/10/2021, Thuận đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh khởi tố về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" của Công ty Bảo Sơn. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Bắc Giang và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Ninh đã có văn bản trao đổi, thống nhất về việc xử lý đối với C, Thuận. Do vậy, không xem xét xử lý hành vi của Thuận trong vụ án này.

Cơ quan điều tra đã mở rộng điều tra về Công ty Hoàng Gia, kết quả: Xác minh, thu thập các tài liệu có liên quan tại các cơ quan thuế xác định được công ty không nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế đã ban hành thông báo yêu cầu đến làm việc nhưng người đại diện theo pháp luật của công ty không chấp hành, không đến làm việc. Xác minh tại địa chỉ đăng ký kinh doanh của công ty thấy công ty không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan thuế. Xác minh 02 tài khoản công ty mở tại ngân hàng

xác định được 02 tài khoản có phát sinh giao dịch chuyển, nhận tiền với nhiều công ty khác. Cơ quan điều tra đã xác minh, lấy lời khai đối với người đại diện theo pháp luật của 25 công ty có phát sinh giao dịch thanh toán qua ngân hàng với Công ty Hoàng Gia. Người đại diện theo pháp luật của 25 công ty và những người liên quan đều khai có mua bán, phát sinh dịch vụ hàng hóa thật nhưng qua người trung gian (không rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại) giới thiệu hoặc đến công ty chào bán hàng hóa, dịch vụ sau đó cung cấp hàng hóa, dịch vụ rồi xuất trả hóa đơn của Công ty Hoàng Gia. Các công ty đều tra mã số thuế của Công ty Hoàng Gia và thấy công ty vẫn ở trạng thái đang hoạt động nên đã đưa hóa đơn vào hạch toán, kê khai thuế. Do vậy, không có căn cứ xác định người đại diện theo pháp luật của 25 công ty và những người liên quan có hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Công ty Hoàng Gia. Đối với Nguyễn Văn C đứng tên Giám đốc Công ty Hoàng Gia từ ngày 19/10/2017 đến ngày 26/9/2018: C khai mua hóa đơn của Công ty BSvà Công ty Hoàng Gia từ Công. Cơ quan điều tra đã nhiều lần xác minh, triệu tập nhưng Công vắng mặt, gia đình và địa phương không rõ Công đi đâu, làm gì, không liên lạc được. Đối với Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, trú tại khu phố Đồng Phúc, phường Châu Khê, TP Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đứng tên làm Giám đốc Công ty Hoàng Gia từ ngày 26/9/2018 đến ngày 17/12/2019: Kết quả điều tra chưa đủ căn cứ xác định Diễm có hành vi bán trái phép hóa đơn cho C. Đối với Vũ Văn C, sinh năm 1980, trú tại thôn An Hưng, xã Quang Trung, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương đứng tên làm Giám đốc Công ty Hoàng Gia từ ngày 17/12/2019 đến nay: Cường làm nghề cơ khí tại Hải Phòng, năm 2008 Cường bị mất giấy chứng minh nhân dân. Cường không biết gì về Công ty Hoàng Gia và khẳng định chưa bao giờ làm Giám đốc công ty này. Căn cứ kết quả điều tra đối với C, D như nêu trên, chưa đủ căn cứ để xem xét xử lý đối với Công, Diễm. Do thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến Công, Diễm để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[12] Đối với Nguyễn Trọng T: Bản án hình sự số 04 ngày 15/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã xét xử Thành về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" đối với 17 hóa đơn của Công ty Bảo Sơn. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu thập sao kê tài khoản ngân hàng của Thành; trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trên các giấy giới thiệu và giấy rút tiền; triệu tập lấy lời khai của Thành; tiến hành đối chất giữa T và C... Kết quả điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý đối với T về hành vi mua bán trái phép hóa đơn cùng với C theo như lời khai của C. Do thời hạn điều tra đã hết, Cơ quan điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến T để tiếp tục điều tra làm rõ.

[13] Các Giám đốc của các Công ty Tae Kyung Vina và Smart Tech Vina không chỉ đạo D mua trái phép hóa đơn, họ không biết D có hành vi mua trái phép hóa đơn của Công ty BS rồi đưa vào hạch toán, kê khai thuế cho công ty do họ làm Giám đốc. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với họ là có căn cứ. Đối với Nguyễn Mạnh Cường và những người chuyển tiền và rút tiền từ tài khoản của Công ty BSvà Công ty Hoàng Gia: Kết quả điều tra xác định những người này không tham gia và không biết việc mua bán trái phép hóa đơn giữa C và D nên Cơ quan điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm d Khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65, Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Đức C 01 năm 03 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đúc C 15.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo C cho UBND phường Văn Quán, quận Hà Đông, TP Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Căn cứ vào: Khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm i điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65, Bộ luật hình sự; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt: Dơng Thị D 10 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Dơng Thị D 10.000.000đ sung ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Dơng Thị D cho UBND thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Đức C, Dơng Thị D thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

"*Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo*".

+ Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Mỗi bị cáo Nguyễn Đức C, Dương Thị D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

+ Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 106, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền thu lời bất chính của Nguyễn Đức C 41.773.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền Nguyễn Đức C đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang theo biên lai thu số 001737, ngày 19/8/2022 và 001739, ngày 23/8/2022; Dương Thị D 22.593.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền D đã nộp biên lai thu số 001759 ngày 09/8/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện Kiểm Sát ND huyện Việt Yên;
- Sở Tư pháp;
- Công an huyện Việt Yên (CQCSĐT+ CQTHAHS);
- Chi cục thi hành án DS huyện Việt Yên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện